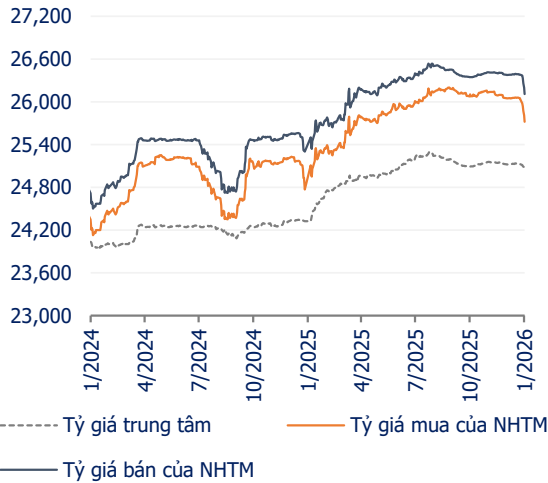


## TỶ GIÁ USD/VND



## THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Lãi suất VND LNH tăng ở hầu hết các kỳ hạn. Kết tuần, lãi suất qua đêm ON và 1W lần lượt tăng 53 đcb và 68 đcb lên mức 5.09% và 5.89%. Ngoài ra, trong khi lãi suất kỳ hạn 6 tháng giảm 19 đcb xuống mức 7.66%, lãi suất 9 tháng giữ nguyên ở mức 8.1%. Chênh lệch lãi suất USD và VND kỳ hạn qua đêm và 1W trung bình nới rộng khoảng 143 đcb. Tổng giá trị giao dịch trên thị trường liên ngân hàng trong kỳ báo cáo đạt 4.86 triệu tỷ đồng, trong đó 2 kỳ hạn ON và 1W chiếm 98.5%.

## THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

Kết tuần, tỷ giá trung tâm giảm 51 VND/USD so với tuần trước, xuống mức 25,074 VND/USD. Ngoài ra, tỷ giá niêm yết tại Vietcombank giảm 311 VND/USD xuống 25,750 VND/USD ở chiều mua và giảm 271 VND/USD xuống 26,110 VND/USD ở chiều bán.

## THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU SƠ CẤP

Ngày 28/1, KBNN gọi thầu tổng cộng 14,500 tỷ đồng TPCP ở nhiều kỳ hạn. Trái phiếu kỳ hạn 5 năm và 30 năm không trúng thầu. Tỷ lệ trúng thầu của trái phiếu kỳ hạn 10 năm và 15 năm đạt 69% và 20%. TTứ đầu năm 2026 đến ngày 28/1, Kho bạc Nhà nước đã huy động gần 26,046 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ các kỳ hạn từ 5 năm đến 30 năm, đạt khoảng 5.2% kế hoạch phát hành 500,000 tỷ đồng trong năm 2026. Trong tuần tới, KBNN sẽ gọi thầu 14,500 tỷ đồng ở 4 kỳ hạn (5, 10, 15 và 30 năm).

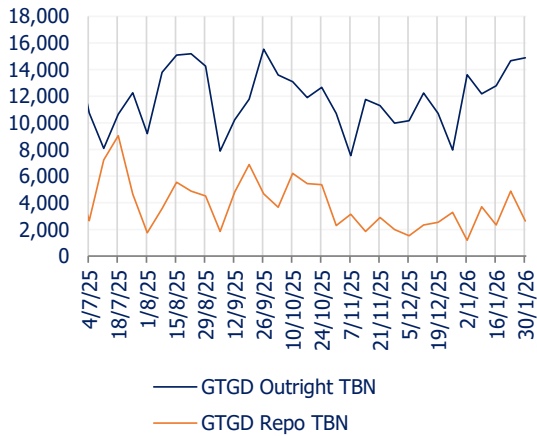
## THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU THỨ CẤP

Giá trị giao dịch (GTGD) đạt 87,592 tỷ đồng, trong đó GTGD thông thường (outright) trung bình ngày tăng 1.5% so với kỳ trước, GTGD mua bán lại (repo) trung bình ngày giảm 46% so với kỳ trước. Khối ngoại bán ròng khoảng 185 tỷ đồng trong kỳ báo cáo. Lợi suất trung bình TPCP tại phòng giao dịch của VBMA tăng ở kỳ hạn 5 năm và 7 năm trong khi giảm ở kỳ hạn 10 năm và 15 năm so với tuần trước.

## THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

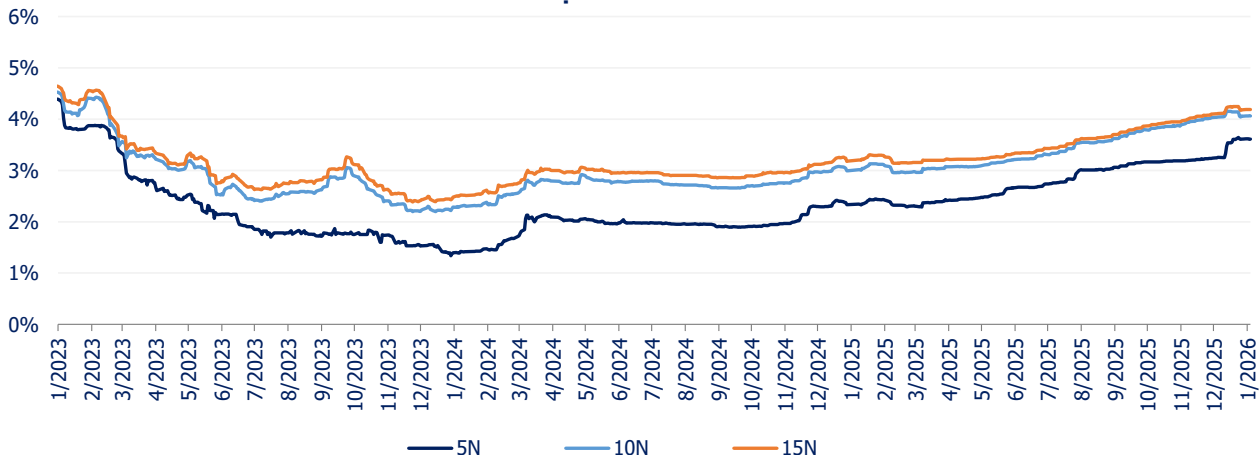
Theo dữ liệu do VBMA tổng hợp, tính đến ngày công bố thông tin 30/01/2026, có 4 đợt phát hành TPDN được ghi nhận trong tháng 1 năm 2026 với tổng giá trị 3,711 tỷ đồng.

## GTGD TRUNG BÌNH PHIÊN OUTRIGHT VÀ REPO



Đơn vị: Tỷ VND

## DIỄN BIẾN LỢI SUẤT TPCP - VBMA



# Báo cáo tuần

## Thị trường tiền tệ

**Nhiệm vụ thị trường mở:** Trong kỳ báo cáo, NHNN đã bơm ra thị trường 72,000 tỷ đồng thông qua nghiệp vụ thị trường mở (OMO) ở kỳ hạn 7 ngày và 56 ngày với mức lãi suất đạt mức 4.5%/năm.

Kết tuần, gần 25.7 nghìn tỷ đồng trên kênh mua kỳ hạn đã đáo hạn và được rút khỏi hệ thống. Qua đó, NHNN bơm ròng khoảng 46.3 nghìn tỷ, lượng OMO lưu hành đạt 321 nghìn tỷ.

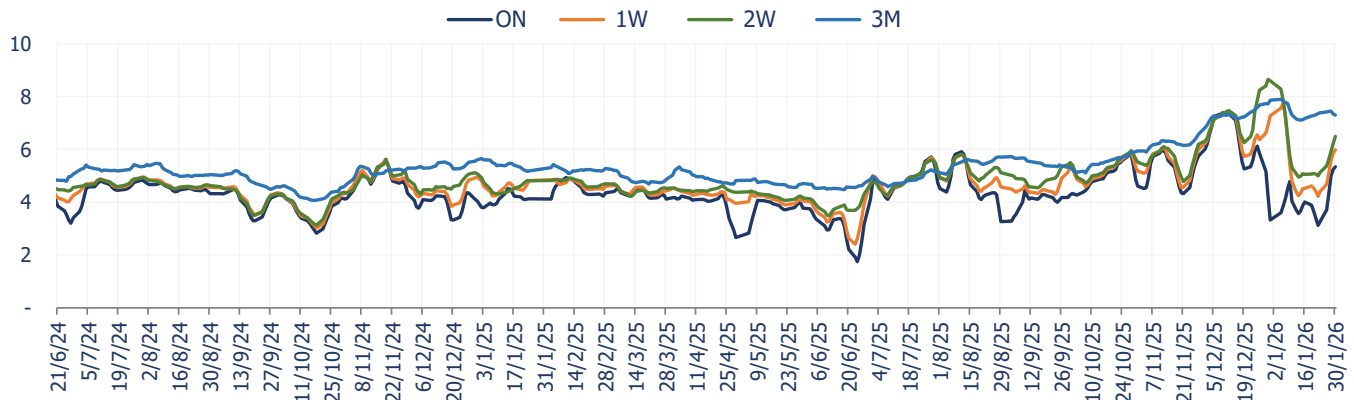
**Lãi suất liên ngân hàng:** Lãi suất VND LNH tăng ở hầu hết các kỳ hạn. Kết tuần, lãi suất qua đêm ON và 1W lần lượt tăng 53 đcb và 68 đcb lên mức 5.09% và 5.89%. Ngoài ra, trong khi lãi suất kỳ hạn 6 tháng giảm 19 đcb xuống mức 7.66%, lãi suất 9 tháng giữ nguyên ở mức 8.1%. Chênh lệch lãi suất USD và VND kỳ hạn qua đêm và 1W trung bình nở rộng khoảng 143 đcb.

**Khối lượng giao dịch:** Tổng giá trị giao dịch trên thị trường liên ngân hàng trong kỳ báo cáo tăng 15.3% so với kỳ trước, đạt mức 4.86 triệu tỷ đồng. Trong đó, kỳ hạn qua đêm (ON) và 1 tuần (1W) có khối lượng giao dịch lớn nhất, lần lượt đạt khoảng 4.47 triệu tỷ đồng và 318 nghìn tỷ đồng. Hai kỳ hạn trên chiếm 98.5% tổng khối lượng giao dịch của cả tuần.

## LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG

Đvị : %	TB 5 ngày	30/1/2026	23/1/2026	+/- so tuần trước (đcb)	+/- so tháng trước (đcb)
ON	5.34	5.09	4.56	53	332
1W	5.98	5.89	5.21	68	-260
2W	6.49	6.99	5.61	138	-194
1M	7.35	7.39	6.74	65	-14
3M	7.30	7.19	7.42	-23	-24
6M	7.50	7.66	7.85	-19	26
9M	8.10	8.10	8.10	0	70

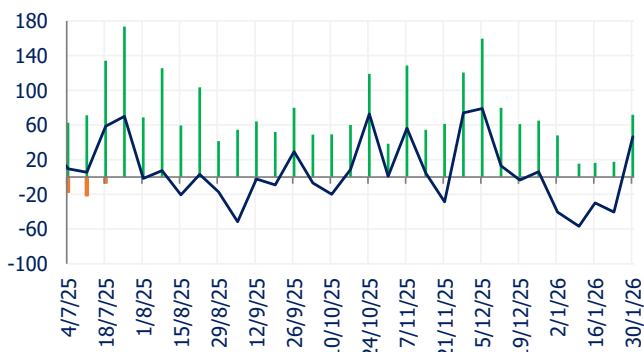
### BÌNH QUÂN LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG



Nguồn: NHNN

### ĐẦU THẦU TÍN PHIẾU NHNN VÀ OMO

- Phát hành SBV-bills
- Phát hành OMO
- Lượng cung tiền thay đổi theo tuần của NHNN

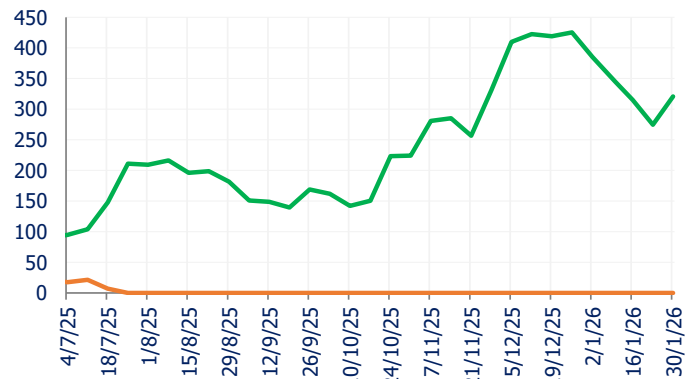


Đơn vị: Nghìn tỷ đồng

Nguồn: NHNN

### GIÁ TRỊ LƯU HÀNH CỦA TÍN PHIẾU NHNN VÀ OMO

- Tín phiếu NHNN
- OMO



# Báo cáo tuần

## Thị trường ngoại hối

**Tỷ giá USD/VND:** Kết tuần, tỷ giá trung tâm giảm 51 VND/USD so với tuần trước, xuống mức 25,074 VND/USD. Ngoài ra, tỷ giá niêm yết tại Vietcombank giảm 311 VND/USD xuống 25,750 VND/USD ở chiều mua và giảm 271 VND/USD xuống 26,110 VND/USD ở chiều bán.

**Thị trường ngoại tệ:** Sau ba đợt hạ lãi suất liên tiếp, Fed quyết định giữ nguyên lãi suất trong vùng 3.5%–3.75%, đúng như kỳ vọng của thị trường. Quyết định này được thông qua với tỷ lệ 10–2, trong đó hai thành viên ủng hộ tiếp tục cắt giảm thêm 25 điểm cơ bản.

Tại cuộc họp báo sau cuộc họp, Chủ tịch Jerome Powell cho biết nền kinh tế tăng trưởng ổn định, lạm phát còn ở mức tương đối cao, tăng trưởng việc làm chậm lại trong khi tỷ lệ thất nghiệp có dấu hiệu ổn định. Ông Powell cho rằng mặt bằng lãi suất hiện chưa chặt chẽ nhiều và Fed sẽ đưa ra quyết định theo diễn biến thực tế của từng kỳ họp.

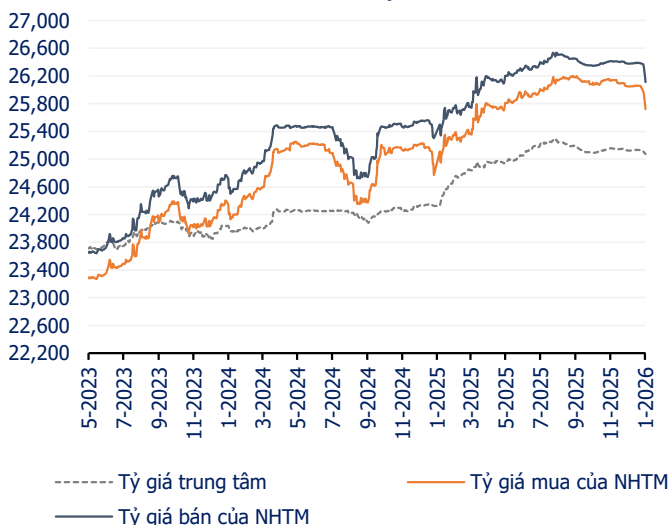
Vào thứ Sáu, Tổng thống Donald Trump đã đề cử Kevin Warsh, cựu Thống đốc Fed, cho vị trí chủ tịch Fed. Nếu được Thượng viện thông qua, ông Warsh sẽ kế nhiệm ông Powell vào tháng 5.

Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ đạt 209,000 đơn trong tuần kết thúc ngày 24/1 — cao hơn dự báo song giảm nhẹ so với mức 210,000 đơn của tuần trước. Trong khi đó, số đơn trợ cấp tiếp tục giảm còn khoảng 1.83 triệu trong tuần kết thúc ngày 17/1, thấp nhất kể từ tháng 9/2024.

Chỉ số đô la Mỹ (DXY) đã giảm 0.62% so với tuần trước xuống 96.9 điểm. Ngoài ra, đồng EUR và GBP lần lượt tăng 0.19% và 1.96% so với đồng USD.

Tuần tới, NHTW Anh và Châu Âu sẽ đưa ra quyết định lãi suất vào ngày 5/2. Ngoài ra, một số dữ liệu kinh tế Mỹ sẽ được công bố bao gồm chỉ số PMI dịch vụ và báo cáo việc làm phi nông nghiệp tháng 1.

TỶ GIÁ USD/VND



Nguồn: NHNN

TỶ GIÁ TRUNG TÂM

Ngày	Tỷ giá	% Thay đổi
19/1/2026	25,132	
20/1/2026	25,130	▼ -0.008%
21/1/2026	25,124	▼ -0.024%
22/1/2026	25,125	▲ 0.004%
23/1/2026	25,125	0.000%
26/1/2026	25,113	▼ -0.048%
27/1/2026	25,098	▼ -0.060%
28/1/2026	25,088	▼ -0.040%
29/1/2026	25,083	▼ -0.020%
30/1/2026	25,074	▼ -0.036%

TỶ GIÁ CÁC ĐỒNG TIỀN CHÍNH

	30/1/2026	23/1/2026	% Đổi tuần trước	% Đổi đầu năm
USD/VND	25,940	26,245	▼ -1.16%	▲ 6.64%
EUR/USD	1.185	1.183	▲ 0.19%	▲ 8.25%
USD/CNY	6.952	6.963	▼ -0.17%	▼ -2.67%
USD/JPY	154.770	155.720	▼ -0.61%	▲ 9.01%
GBP/USD	1.370	1.365	▲ 0.40%	▲ 8.61%
USD index	96.990	97.600	▼ -0.62%	▼ -5.10%

Nguồn: investing.com

# Báo cáo tuần

## Thị trường TPCP sơ cấp

**Trái phiếu Chính phủ:** Vào ngày 28/01/2026, Kho bạc Nhà nước đã gọi thầu tổng cộng 14,500 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ, ở các kỳ hạn 5 năm (1,000 tỷ), 10 năm (12,000 tỷ), 15 năm (1,000 tỷ) và 30 năm (500 tỷ).

Trái phiếu kỳ hạn 5 năm và 30 năm không trúng thầu. Tỷ lệ trúng thầu của trái phiếu kỳ hạn 10 năm và 15 năm đạt 69% và 20%. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 10 năm tăng 2 đcb so với tuần trước trong khi lãi suất trúng thầu kỳ hạn 15 năm giữ nguyên ở mức 4.12%.

Từ đầu năm 2026 đến ngày 28/1, Kho bạc Nhà nước đã huy động gần 26,046 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ các kỳ hạn từ 5 năm đến 30 năm, đạt khoảng 5.2% kế hoạch phát hành 500,000 tỷ đồng trong năm 2026.

Trái phiếu kỳ hạn 10 năm và 15 năm được phát hành nhiều nhất với giá trị lần lượt 24,696 tỷ và 850 tỷ đồng, chiếm khoảng 98.1% tổng giá trị kể từ đầu năm. Trái phiếu 5 năm xếp thứ 3 với 500 tỷ đồng.

**Kế hoạch đấu thầu từ 2/2 - 6/2/2026:** Trong tuần tới, Kho bạc Nhà nước sẽ gọi thầu 14,500 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ, ở các kỳ hạn 5 năm (1,000 tỷ), 10 năm (12,000 tỷ), 15 năm (1,000 tỷ) và 30 năm (500 tỷ).

### Kết quả đấu thầu TPCP (tuần 26/1 - 30/1/2026)

STT	Ngày	TCPH	Mã TP	Kỳ hạn (năm)	GTGT	GTĐT	GTTT	LSTT (%)	Thay đổi (đcb)
1	28/1/2026	KBNN	TD2631008	5	1,000	200	0	-	-
2	28/1/2026	KBNN	TD2636021	10	12,000	10,135	8,235	4.04	2
3	28/1/2026	KBNN	TD2641037	15	1,000	730	200	4.12	-
4	28/1/2026	KBNN	TD2555052	30	500	0	0	-	-

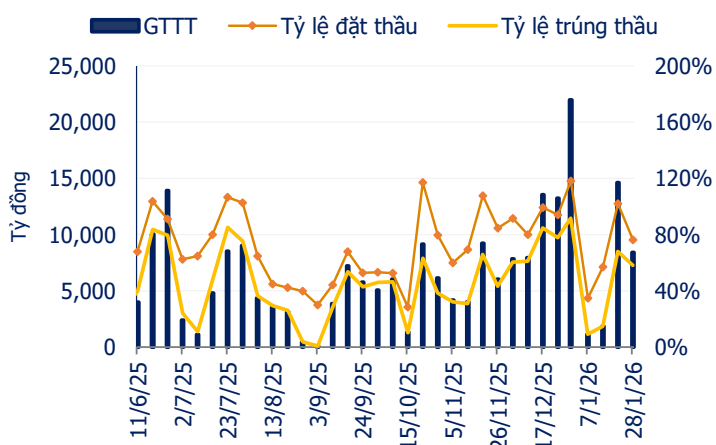
Đơn vị: Tỷ đồng

### Kế hoạch đấu thầu từ 2/2 - 6/2/2026

STT	Ngày	TCPH	Mã TP	Kiểu phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ)
1	4/2/2026	KBNN	TD2631008	Bổ sung	5	1,000
2	4/2/2026	KBNN	TD2636021	Bổ sung	10	12,000
3	4/2/2026	KBNN	TD2641037	Bổ sung	15	1,000
4	4/2/2026	KBNN	TD2555052	Bổ sung	30	500

Đơn vị: Tỷ đồng

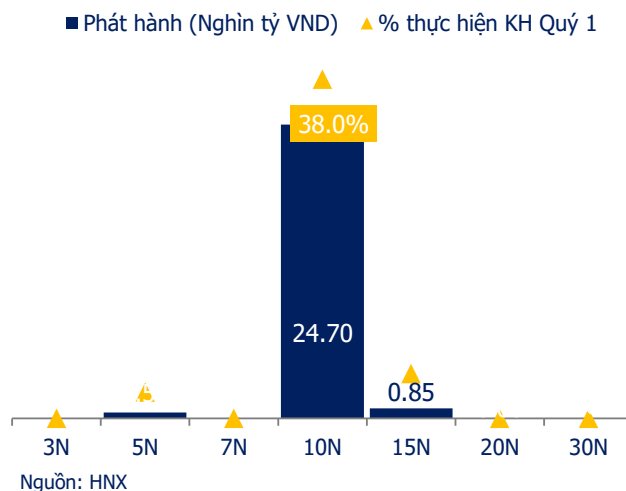
### GIÁ TRỊ GỌI THẦU VÀ ĐẶT THẦU TPCP



Nguồn: HNX

\* Chú thích: Dữ liệu VBMA tổng hợp tính đến ngày 30/1/2026

### GTPH TPCP THEO KỲ HẠN Q1.2026



Nguồn: HNX

# Báo cáo tuần

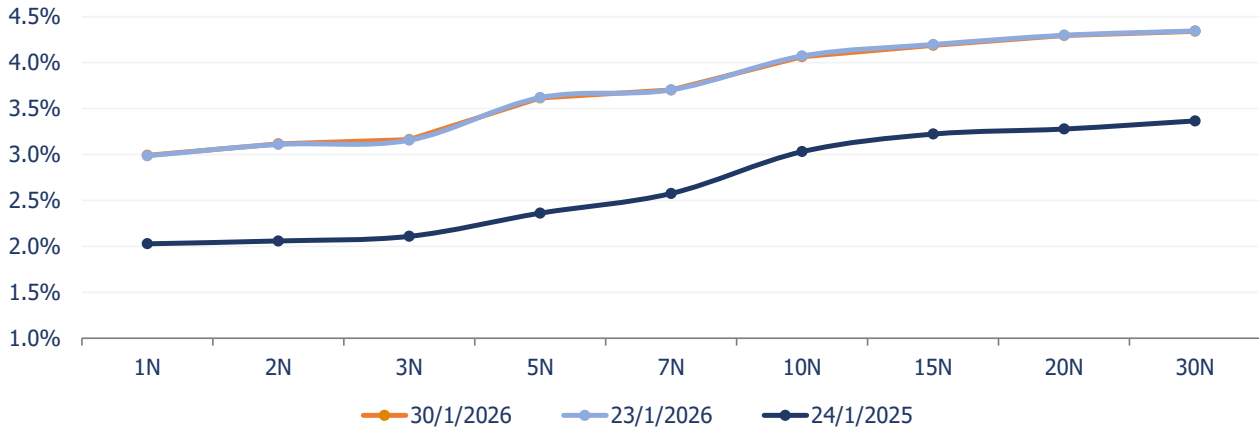
## Thị trường TPCP thứ cấp

**Tình hình giao dịch:** Trong kỳ báo cáo, giá trị giao dịch (GTGD) thị trường thứ cấp đạt 87,592 tỷ đồng; trong đó, GTGD outright chiếm khoảng 85% GTGD outright trung bình ngày là 14,889 tỷ đồng (tăng 1.5% so với kỳ trước) và GTGD repo trung bình ngày là 2,629 tỷ đồng (giảm 46.1% so với kỳ trước).

**Nhà đầu tư nước ngoài:** Khối ngoại bán ròng khoảng 185 tỷ đồng trong tuần qua. Lũy kế từ đầu năm đến nay, tổng giá trị bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài đạt khoảng 1,959 tỷ đồng.

**Lợi suất trái phiếu Chính phủ (theo VBMA):** Lợi suất trung bình TPCP tại phòng giao dịch của VBMA tăng ở tất cả các kỳ hạn so với tuần trước

### DIỄN BIẾN LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ - VBMA

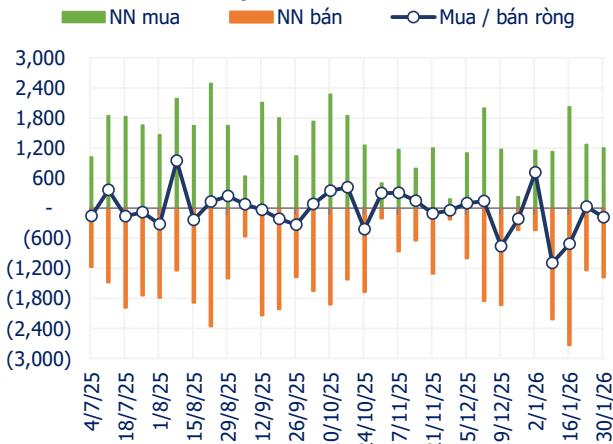


### BIẾN ĐỘNG LỢI SUẤT PHÒNG GIAO DỊCH VBMA

	1N	2N	3N	5N	7N	10N	15N	20N	30N
30/1/2026	2.99%	3.12%	3.16%	3.61%	3.70%	4.06%	4.19%	4.29%	4.34%
23/1/2026	2.99%	3.11%	3.15%	3.62%	3.70%	4.07%	4.20%	4.30%	4.34%
24/1/2025	2.03%	2.06%	2.11%	2.36%	2.58%	3.03%	3.22%	3.28%	3.37%
WoW (đcb)	0.36	0.66	0.66	-0.42	-0.02	-0.86	-0.94	-0.32	-0.48
YoY (đcb)	96.26	105.68	105.28	125.30	112.76	103.24	96.56	101.70	97.46

Nguồn: VBMA

### GIAO DỊCH NHẬT NN 2025 - 2026

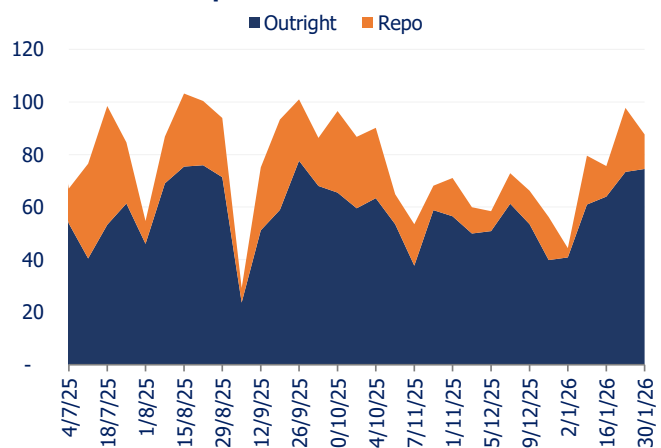


\* Chú thích: Dữ liệu VBMA tổng hợp tính đến ngày 30/1/2026

Đơn vị: tỷ

Nguồn: HNX

### KHỐI LƯỢNG GD OUTRIGHT VÀ REPO



Đơn vị: nghìn tỷ

Nguồn: HNX

# Báo cáo tuần

## Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

### Trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong tháng 1/2026:

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp từ HNX và SSC, tính đến ngày công bố thông tin 30/01/2026, có 4 đợt phát hành TPDN được ghi nhận trong tháng 1 năm 2026 với tổng giá trị 3,711 tỷ đồng.

Lũy kế cả năm 2025, tổng giá trị phát hành TPDN được ghi nhận là 627,810 tỷ đồng, với 35 đợt phát hành ra công chúng trị giá 55,354 tỷ đồng (chiếm 8.8% tổng giá trị phát hành) và 527 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 572,456 tỷ đồng (chiếm 91.2% tổng số).

### Trái phiếu doanh nghiệp được mua lại trong tháng 1/2026:

Các doanh nghiệp đã mua lại 384 tỷ đồng trái phiếu trong tháng 1. Trong năm 2025, tổng giá trị trái phiếu đã được mua lại trước hạn đạt 321,755 tỷ đồng, tăng 47% so với năm 2024. Ngân hàng là nhóm ngành dẫn đầu, chiếm khoảng 67.4% tổng giá trị mua lại trước hạn (tương ứng khoảng 216,759 tỷ đồng).

*\*Dữ liệu VBMA tổng hợp được ghi nhận theo ngày phát hành và ngày thực hiện mua lại từ chuyên trang của HNX và có thể được thay đổi theo việc công bố thông tin trên chuyên trang của HNX. Dữ liệu trong báo cáo này được cập nhật đến hết ngày công bố thông tin 30/01/2026. (Chi tiết trong Phụ lục 2)*

### Trái phiếu doanh nghiệp đến hạn:

Trong phần còn lại của năm 2026, tổng giá trị trái phiếu sẽ đến hạn là 199,692 tỷ đồng. 60.7% giá trị trái phiếu sắp đáo hạn thuộc nhóm Bất động sản với 121,164 tỷ đồng, theo sau là nhóm Ngân hàng với 22,755 tỷ đồng (chiếm 11.4%).

### Giao dịch TPDN phát hành riêng lẻ:

Trong kỳ báo cáo, giá trị giao dịch TPDN riêng lẻ trung bình ngày đạt 5,882 tỷ đồng, tăng 15.6% so với tuần trước. Các tổ chức phát hành có trái phiếu được giao dịch nhiều nhất là NHTMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (3,411 tỷ đồng), NHTMCP Quốc tế Việt Nam (3,315 tỷ đồng) và NHTMCP Quân đội (2,157 tỷ đồng). Tính từ đầu năm đến nay, tổng giá trị giao dịch trái phiếu phát hành riêng lẻ đạt khoảng 109 nghìn tỷ đồng.

### Kế hoạch phát hành TPDN năm 2026:

#### CTCP Vinhomes (VHM)

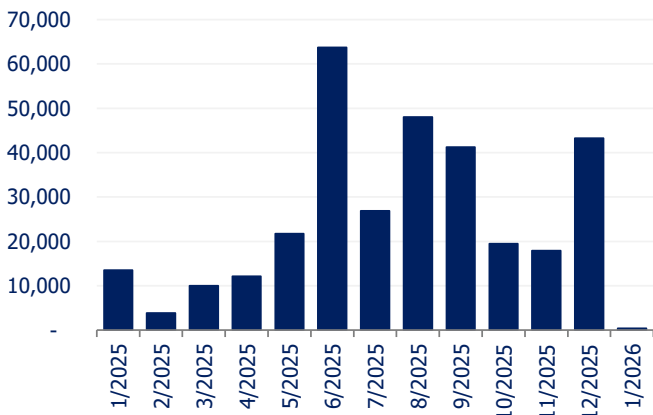
HĐQT CTCP Vinhomes đã thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ trong năm 2026 với tổng giá trị tối đa 4,500 tỷ đồng. Đây là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có TSĐB và mệnh giá dự kiến 100 triệu đồng/trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn tối đa 3 năm với mức lãi suất kết hợp giữa cố định và thả nổi.

#### CTCP Chứng khoán Kỹ Thương (TCX)

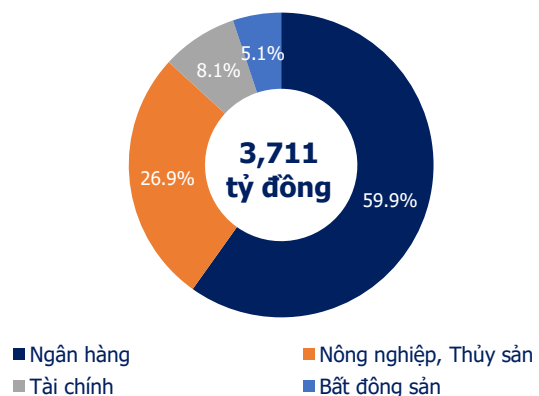
HĐQT CTCP Chứng khoán Kỹ Thương đã thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ được chia làm 6 đợt trong năm 2026 với tổng giá trị tối đa 3,000 tỷ đồng. Đây là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có TSĐB và mệnh giá dự kiến 100 triệu đồng/trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn từ 15 - 30 tháng với mức lãi suất kết hợp giữa cố định và thả nổi.

Ngoài ra, TCX cũng đã thông qua phương án phát hành trái phiếu ra công chúng được chia làm 4 đợt trong năm 2026 với tổng giá trị tối đa 5,000 tỷ đồng. Đây là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có TSĐB và mệnh giá dự kiến 100 nghìn đồng/ trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn từ 24 - 36 tháng với mức lãi suất kết hợp giữa cố định và thả nổi.

GT MUA LẠI TPDN 2025 - 2026



GT PHÁT HÀNH THEO NHÓM NGÀNH 2026  
(Lũy kê)



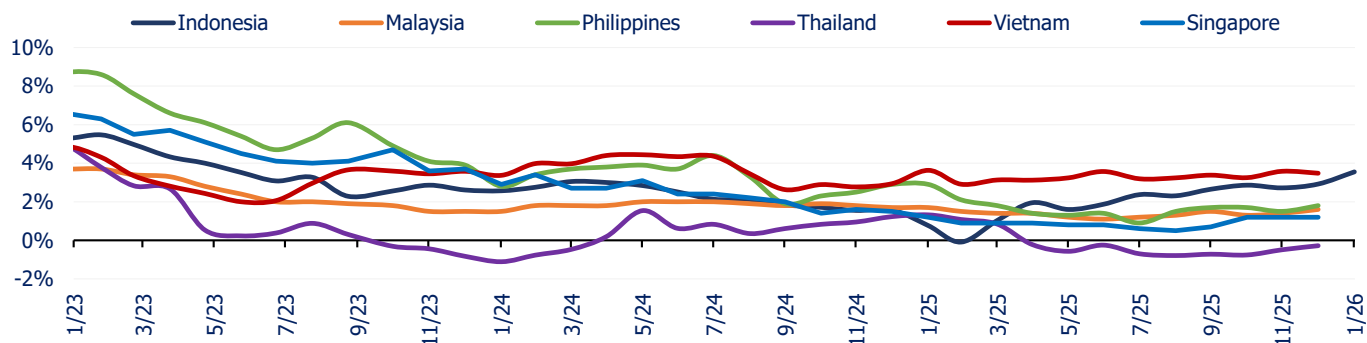
Đơn vị: tỷ đồng

# Báo cáo tuần

## Tin quốc tế

Ngày	Nền kinh tế	Ngoại Tệ	Sự kiện
4/2/2026	Mỹ	USD	Chỉ số PMI dịch vụ tháng 1
4/2/2026	Mỹ	USD	Dự trữ đầu thô
5/2/2026	Anh	GBP	Quyết định lãi suất
5/2/2026	EU	EUR	Quyết định lãi suất
6/2/2026	Mỹ	USD	Báo cáo việc làm phi nông nghiệp tháng 1

### DIỄN BIẾN LẠM PHÁT CÁC NƯỚC TRONG KHU VỰC



Nguồn: Trading Economics

### LỢI SUẤT TPCP KỲ HẠN 5 NĂM CỦA CÁC NƯỚC

Đvị: %	Trung Quốc	Nhật Bản	Malaysia	Philippines	Thái Lan	Mỹ	Việt Nam
T1 2024	2.39	0.24	3.60	6.04	2.42	3.93	1.45
T2 2024	2.29	0.33	3.57	6.21	2.29	4.19	1.43
T3 2024	2.22	0.37	3.58	6.16	2.24	4.21	1.62
T4 2024	2.13	0.45	3.73	6.45	2.44	4.56	2.08
T5 2024	2.09	0.55	3.74	6.50	2.52	4.50	2.04
T6 2024	2.03	0.56	3.67	6.36	2.50	4.32	1.99
T7 2024	1.95	0.60	3.62	6.16	2.41	4.16	1.98
T8 2024	1.87	0.48	3.50	6.02	2.30	3.71	1.96
T9 2024	1.76	0.50	3.51	5.89	2.25	3.49	1.94
T10 2024	1.79	0.82	3.57	5.60	2.24	3.91	1.92
T11 2024	1.71	0.69	3.64	5.80	2.19	4.23	1.94
T12 2024	1.47	0.73	3.62	5.94	2.12	4.25	2.15
T1 2025	1.40	0.85	3.62	5.99	2.13	4.46	2.35
T2 2025	1.49	1.01	3.62	5.82	2.08	4.28	2.40
T3 2025	1.65	1.12	3.56	5.79	1.90	4.04	2.32
T4 2025	1.52	0.89	3.43	5.81	1.63	3.91	2.38
T5 2025	1.54	0.96	3.27	5.86	1.64	4.07	2.45
T6 2025	1.52	1.00	3.23	5.91	1.50	3.96	2.58
T7 2025	1.54	1.05	3.16	5.95	1.37	3.95	2.69
T8 2025	1.61	1.10	3.10	5.86	1.21	3.76	2.85
T9 2025	1.62	1.17	3.15	5.83	1.17	3.66	3.02
T10 2025	1.60	1.22	3.23	5.75	1.31	3.65	3.13
T11 2025	1.55	1.27	3.24	5.55	1.46	3.67	3.18
T12 2025	1.61	1.46	3.28	5.65	1.33	3.70	3.22
T1 2026	1.61	1.63	3.28	5.71	1.34	3.78	3.54

Nguồn: VBMA, ThaiBMA, US Treasury, Investing.com

LS tăng

LS giảm

# Báo cáo tuần

## Phụ lục 1

### Kết quả đấu thầu TPCP (tuần 26/1 - 30/1/2026)

STT	Mã TP	TCPH	Kì hạn (năm)	Ngày TCPH	GTGT	GTĐT	GTTT	LSTT (%)	Thay đổi (đcb)
1	TD2631008	KBNN	5	28/1/2026	1,000	200	0	-	-
2	TD2636021	KBNN	10	28/1/2026	12,000	10,135	8,235	4.04	2
3	TD2641037	KBNN	15	28/1/2026	1,000	730	200	4.12	-
4	TD2555052	KBNN	30	28/1/2026	500	0	0	-	-

Đơn vị: Tỷ đồng

### Kế hoạch đấu thầu từ 2/2 - 6/2/2026

STT	Ngày	TCPH	Mã TP	Kiểu phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ)
1	4/2/2026	KBNN	TD2631008	Bổ sung	5	1,000
2	4/2/2026	KBNN	TD2636021	Bổ sung	10	12,000
3	4/2/2026	KBNN	TD2641037	Bổ sung	15	1,000
4	4/2/2026	KBNN	TD2555052	Bổ sung	30	500

### Kế hoạch phát hành Trái phiếu Chính phủ Q1/2026

STT	Kỳ hạn	Kế hoạch (tỷ đồng)	Thực hiện (tỷ đồng)	Tỷ lệ hoàn thành
1	5 năm	17,000	500	2.9%
2	7 năm	2,000	0	0%
3	10 năm	65,000	24,696	38%
4	15 năm	17,000	850	5%
5	20 năm	3,000	0	0%
6	30 năm	6,000	0	0%
<b>Tổng mức phát hành</b>		<b>110,000</b>	<b>26,046</b>	<b>23.7%</b>

### Top 10 mã trái phiếu có GTGD outright lớn nhất trong tuần

STT	Mã TP	GTGD (tỷ)	Kì hạn gốc (năm)	Kì hạn còn lại (năm)	LS Giao dịch (%)
1	TD2151043	6,116	30	25.5	3.8301 - 4.48
2	TL1535300	6,005	20	9.5	3.825 - 3.8306
3	TD1747409	4,723	30	20.9	4.35 - 4.5
4	TD2434026	4,577	10	8.6	3.0501 - 3.1251
5	TD1530290	3,765	15	4.4	3 - 3.009
6	TD2353151	3,673	30	27.0	3.5015 - 3.8038
7	TD2151042	3,374	30	24.9	4.4671 - 4.6
8	TD2434024	3,322	10	8.4	2.6925 - 3.11
9	TL1545363	2,459	30	19.9	4.2059 - 4.2119
10	TD2535023	2,265	10	9.0	3.2 - 4.1042

# Báo cáo tuần

## Phụ lục 2

### Trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong tháng 1

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	NHÓM NGÀNH	GTPH (TỶ ĐỒNG)	MÃ TP	PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH	LÃI SUẤT	NGÀY PHÁT HÀNH	KỶ HẠN (NĂM)
CTCP NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM	NÔNG NGHIỆP, THỦY SẢN	1000	BAF12502	CÔNG CHỨNG	10%/NĂM	5/1/2026	3
CTCP TẬP ĐOÀN KHAI HOÀN LAND	BẤT ĐỘNG SẢN	190	KHG12503	RIÊNG LẺ	2 KỶ ĐẦU: 13.5%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTC + 4.5%/NĂM	6/1/2026	5
CTCP KINH DOANH F88	TÀI CHÍNH	300	F88126002	CÔNG CHỨNG	10%/NĂM	10/1/2026	2
NHTMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	2221	CTG2634T2/01	CÔNG CHỨNG	BÌNH QUẢN LSTK 12T VNĐ (VCB, BIDV, VIETIN, AGR) + 1.25%/NĂM	20/1/2026	8

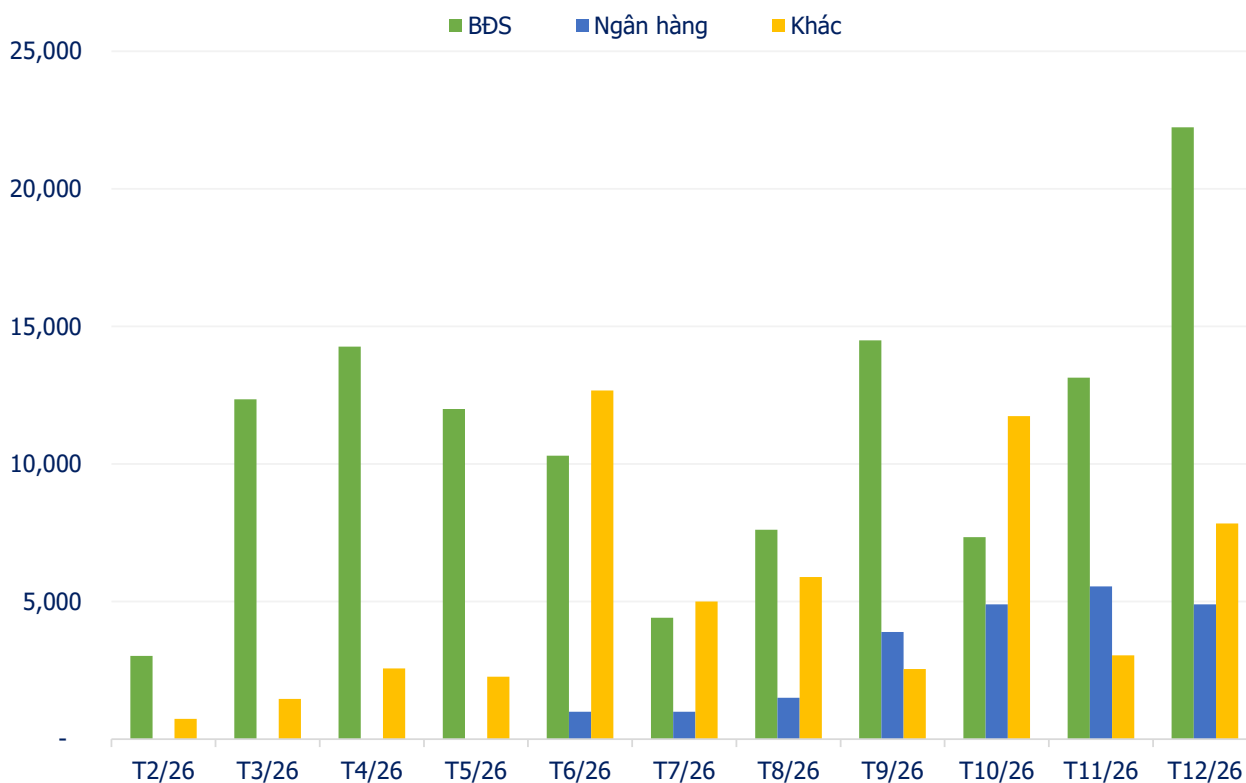
# Báo cáo tuần

## Phụ lục 3

### Trái phiếu doanh nghiệp đến hạn trong tuần (2/2 - 8/2/2026)

STT	TÊN CÔNG TY	NHÓM NGÀNH	GTPH (TỶ ĐỒNG)	GT CÒN LẠI (TỶ ĐỒNG)	MÃ TRÁI PHIẾU	NGÀY PHÁT HÀNH	NGÀY ĐÁO HẠN
1	CTCP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA KHANG	BẤT ĐỘNG SẢN	1500	1500	GKCH2124001	02/02/2021	02/02/2026
2	CTCP CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG	CHỨNG KHOÁN	500	500	TCXCH2426005	08/08/2024	08/02/2026

### Giá trị TPDN đáo hạn 2026



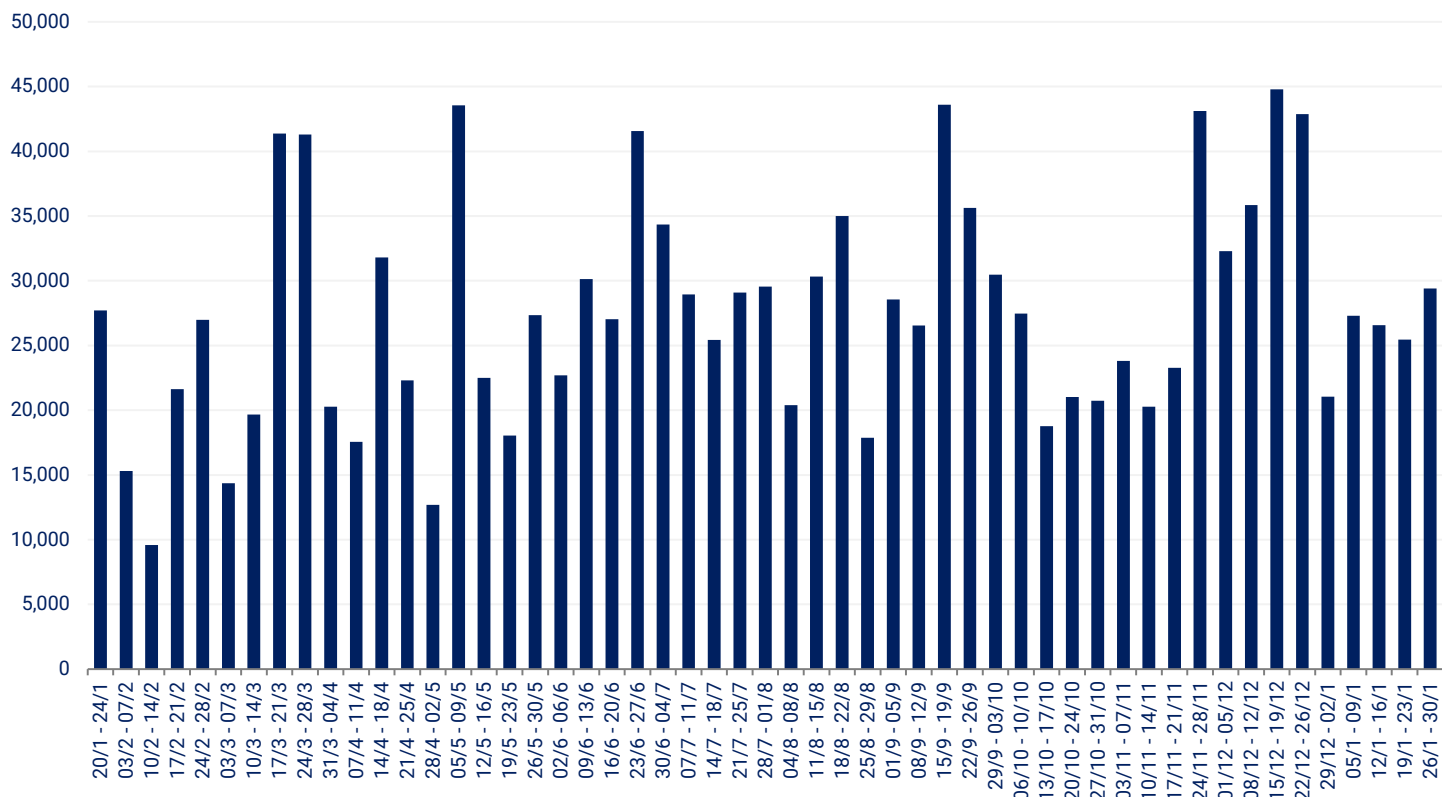
# Báo cáo tuần

## Phụ lục 4

### Tổng GTGD trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

STT	Ngày đăng tin	Tên doanh nghiệp	Mã TP liên quan	Loại tin	Nội dung tin
1	29/1/2026	CTCP Đầu tư Xây dựng Đại Thịnh Phát	DPJCH2224001	Chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu	Chậm thanh toán 500 tỷ gốc và 5.3 tỷ lãi

Giá trị giao dịch TPDN riêng lẻ năm 2025 - 2026 theo tuần (tỷ VND)



\* Dữ liệu VBMA tổng hợp được ghi nhận theo ngày công bố thông tin từ HNX, tính đến ngày 30/1/2026

# Báo cáo tuần

## Phụ lục 5

### Danh mục các từ viết tắt

STT	Từ viết tắt	Ý nghĩa
1	1W	1 tuần
2	BDS	Bất động sản
3	CNY	Đồng nhân dân tệ Trung Quốc
4	CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
5	CT TNHH	Công ty Trách nhiệm hữu hạn
6	CTCP	Công ty Cổ phần
7	đcb	điểm cơ bản
8	DNPH	Doanh nghiệp phát hành
9	Fed	Cục Dự trữ Liên bang
10	FOMC	Ủy ban Thị trường mở Liên bang
11	GBP	Đồng bảng Anh
12	GT	Giá trị
13	GTĐT	Giá trị đặt thầu
14	GTGD	Giá trị giao dịch
15	GTGT	Giá trị gọi thầu
16	GTTT	Giá trị trúng thầu
17	HĐQT	Hội đồng quản trị
18	HNX	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
19	JPY	đồng Yên Nhật Bản
20	KBNN	Kho bạc nhà nước
21	KH	Kế hoạch
22	LS	Lãi suất
23	LS Giao dịch	Lãi suất giao dịch
24	LSTC	Lãi suất tham chiếu
25	LSTK	Lãi suất tiết kiệm
26	LSTT	Lãi suất trúng thầu
27	Mã TP	Mã trái phiếu
28	NĐTNN	Nhà đầu tư nước ngoài
29	NHNN	Ngân hàng nhà nước
30	NHTM	Ngân hàng thương mại
31	NHTMCP	Ngân hàng Thương mại Cổ phần
32	NN	Nước ngoài
33	OMO	Nghiệp vụ thị trường mở
34	ON	qua đêm
44	PPI	Chỉ số giá sản xuất
35	RHS	trục phải
36	SSC	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
37	TBN	Trung bình ngày
38	TCPH	Tổ chức phát hành
39	TPCP	Trái phiếu chính phủ
40	TPDN	Trái phiếu doanh nghiệp
41	TSDB	Tài sản đảm bảo
42	VBMA	Hiệp hội Thị trường Trái Phiếu Việt Nam
43	VND	Vietnam Dong



Cám ơn quý vị đã đọc bản tin hàng tuần của VBMA.  
Nếu quý vị cần biết thêm thông tin chi tiết,  
xin vui lòng liên hệ:

---

## **HIỆP HỘI THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU VIỆT NAM**

Tầng 17, Tháp Gelex, 52 Lê Đại Hành,

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84) 24 3974 8781

Fax: (84) 4 3974 8782

Website: <http://www.vbma.org.vn/>

---

### **QUYỀN MIỄN TỪ TRÁCH NHIỆM:**

*Những thông tin và quan điểm được trình bày trong Bản tin này là kết quả của hoạt động nghiên cứu của Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA). VBMA không cam kết hay đảm bảo về tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này. VBMA không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất, thua lỗ nào phát sinh do sử dụng báo cáo này và các thông tin trong đó. Báo cáo này được thực hiện đơn thuần nhằm mục đích cung cấp thông tin và người xem không được phép sao chép, phân phối hay xuất bản vì bất cứ mục đích gì.*